

Bản án số: 48/2026/HS-ST

Ngày: 25-5-2026

**NHÂN DANHQUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮC LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phí Thị Hồng Tăng và ông Nguyễn Huỳnh Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Tín – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026, đối với bị cáo:

Trương Văn L, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 12 tháng 3 năm 1994 tại tỉnh Đắc Lắc; Nơi cư trú: **khu phố P, phường P, tỉnh Đắc Lắc**; Nghề nghiệp: Thợ sơn; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trương L1**, sinh năm 1968 và bà **Đoàn Thị T**, sinh năm 1970; Vợ con chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 05/9/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt vào ngày 25/4/2015. Đến nay, chưa chấp hành án phí hình sự và án phí dân sự; Nhân thân:

- Ngày 20/01/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Ngày 15/01/2019, bị **Công an thành phố T**, tỉnh Phú Yên xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Ngày 04/7/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, chấp hành xong hình phạt ngày 21/01/2021.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông **Trương L1**, sinh năm 1968; Nơi cư trú: **Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk**. Vắng mặt.

2. Bà **Đoàn Thị T**, sinh năm 1970; Nơi cư trú: **Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk**. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà **Trương Thị Bích Q**, sinh năm 1996; Nơi cư trú: **Khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn L là đối tượng đang thuộc diện quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường P, với thời hạn 01 năm kể từ ngày 05/9/2025 đến ngày 05/9/2026.

Khoảng 21 giờ ngày 08/02/2026, **Trương Văn L** sử dụng ứng dụng Messenger liên hệ tài khoản liên kết tài khoản Facebook “**T**” để hỏi mua 300.000 đồng ma túy. Đối tượng trên tài khoản này đồng ý bán và hẹn **L** đến khu vực **chợ X**, thuộc **phường T, tỉnh Đắk Lắk** để giao nhận ma túy. Khi **L** đến khu vực đã hẹn thì có một người phụ nữ (không xác định) đến đưa 01 bì nilon bên trong chứa ma túy cho **L** và nhận 300.000 đồng, **L** cất ma túy vào túi quần và mang về nhà. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, tại phòng khách nhà của **L** ở **khu phố P, phường P**, **L** lấy số ma túy trên và **bộ D** gồm nỏ thủy tinh, chai nước bằng nhựa, quẹt lửa, ống hút rồi một mình sử dụng hết. Sau khi sử dụng xong, **L** tháo bộ dụng cụ, vứt chai nhựa và ống hút, cất nỏ thủy tinh trong tủ rồi đi ngủ. Ngày 10/02/2026, Cơ quan Công an tiến hành làm việc, kiểm tra chất ma túy trong cơ thể phát hiện **L** dương tính với ma túy loại Methamphetamine và **A**; Công an đã thu giữ mẫu nước tiểu của **L** và một số vật dụng liên quan đến việc sử dụng ma túy tại nhà của **L**.

Kết luận giám định số A101/KL-KTHS ngày 18/02/2026 của **Phòng K Công an tỉnh Đ** kết luận: Ống thủy tinh có bám dính chất ma túy, loại Methamphetamine, vì lượng bám dính ít nên không xác định được khối lượng; Mẫu dung dịch nước tiểu của **Trương Văn L** có tìm thấy chất ma túy, loại Methamphetamine và sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy Methamphetamine.

Vật chứng tạm giữ: 01 ống thủy tinh trong suốt dài 18,5cm, đường kính 0,6cm, một đầu được uốn cong hình chữ U, có một đầu hình cầu, bên trong hình cầu có bám dính chất màu đen; 01 quẹt lửa ga màu xanh.

Tại Bản cáo trạng số 13/CT-VKSKV11 ngày 28/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã truy tố bị cáo về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo Ly khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk luận tội giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Trương Văn L** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 ống thủy tinh trong suốt dài 18,5cm, đường kính 0,6cm, một đầu được uốn cong hình chữ U, có một đầu hình cầu, bên trong hình cầu có bám dính chất màu đen; 01 quẹt lửa ga màu xanh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh Đ**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: **Trương Văn L** là đối tượng đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật Phòng chống ma túy, tại Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của Chủ tịch **UBND phường P**; nhưng vào ngày 08/02/2026 tại nhà của **L** thuộc **khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk**, **L** tiếp tục có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine; đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, gây tác hại rất lớn về nhiều mặt, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội và là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc sử dụng trái phép chất ma túy khi đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật; ngày 05/9/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm 06 tháng

tù về tội trộm cắp tài sản, đến nay chưa thi hành xong về phần án phí nên chưa được xóa án tích nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện mà tiếp tục phạm tội, thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định như đề nghị của Kiểm sát viên mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo **L** đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm học tập cải tạo tốt.

[5] Đối với ông **Trương L1** và bà **Đoàn Thị T** là cha mẹ của bị cáo **L**, không biết bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy trong nhà nên không chịu trách nhiệm pháp lý. Người phụ nữ đã bán ma túy cho **L** do không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

[6] Về vật chứng: 01 ống thủy tinh trong suốt dài 18,5cm, đường kính 0,6cm, một đầu được uốn cong hình chữ U, có một đầu hình cầu, bên trong hình cầu có bám dính chất màu đen; 01 quẹt lửa ga màu xanh là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Trương Văn L** phạm tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trương Văn L** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) ống thủy tinh trong suốt dài 18,5cm, đường kính 0,6cm, một đầu được uốn cong hình chữ U, có một đầu hình cầu, bên trong hình cầu có bám dính chất màu đen; 01 (một) quẹt lửa ga màu xanh (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2026 giữa Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Đắk Lắk và Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh Đ**).

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo **Trương Văn L** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV11 – Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phí Thị Hồng Tắng Nguyễn Huỳnh Bảo

Trần Lê Mai

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- Công an thành phố Tuy Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

